TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/DS-ST
Ngày: 09-5-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn và ông Võ Thanh Tân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 137/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ,

Địa chỉ trụ sở: Số V đường H, Phường R, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh T1; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch M. (Theo Quyết định ủy quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022). Có mặt

Địa chỉ liên hệ: Số H đường B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Tấn P, sinh năm 1956,

2.2. Bà Đặng Thị S, sinh năm 1959,

Cùng cư trú: Số X, khóm T2, phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P và bà S: Ông Lê Minh T3, sinh năm 1988, Có mặt

Cư trú: Số C, khóm T2, phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 06/3/2023 của Văn phòng công chứng H1)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Ánh T4, sinh năm 1979, Vắng mặt

3.2. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1980, Vắng mặt

3.3. Ông Lê Minh T3, sinh năm 1988, Có mặt

3.4. Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1993, Vắng mặt

3.5. Cháu Nguyễn Lê Như Q, sinh năm 2010 (con của bà T4);

Người đại diện hợp pháp cho cháu Quỳnh: Bà Lê Thị Ánh T4, sinh năm 1979. Vắng mặt

3.6. Cháu Lê Gia B, sinh năm 2015 (con của ông T3 và bà H),

3.7. Cháu Lê Minh D, sinh năm 2017 (con của ông T3 và bà H).

Người đại diện hợp pháp cho cháu B và cháu D: Ông Lê Minh T3 và bà Nguyễn Thị Mai H. Vắng mặt

Cùng cư trú: Số C, khóm T2, phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/10/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch M (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S đã xác lập Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121, với nội dung như sau: số tiền vay: 337.000.000đ; mục đích vay: thanh toán chi phí thuê đất để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 10,5 %/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông P và bà S đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là bất động sản tọa lạc tại phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AC 437619, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00609hA do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 28/9/2005. Chủ sở hữu, sử dụng là ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S theo Hợp đồng thế chấp số K.0188/TC19 ngày 25/9/2019. Hợp đồng đã được công chứng số 1185 quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/9/2019 tại Văn phòng công chứng H1. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 5956 ngày 26/9/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh L theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn, ông P và bà S chỉ thanh toán nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 14/10/2022 với số tiền 35.385.000đ. Khi ông P, bà S đến trả lãi thì

nhân viên ngân hàng sẽ xuất phiếu thu lãi cho ông P, bà S. Ngày 10/11/2022, phía ông P, bà S có đến Ngân hàng hỏi về số tiền lãi của tháng 11/2022 chứ không có đóng lãi, nhân viên Ngân hàng chỉ báo số tiền lãi 3.926.281đ và ghi vào Phục lục theo dõi thu lãi, thu nợ. Do ông P, bà S chưa trả lãi của tháng 11/2022 nên Ngân hàng không có xuất phiếu thu lãi.

Do đến hạn ông P và bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 15/10/2022, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn.

Tạm tính đến ngày 28/3/2023, ông P và bà S còn nợ các khoản sau: vốn gốc là 337.000.000đ; lãi trong hạn: 0đ; lãi quá hạn là 23.993.938đ. Tổng cộng là 360.993.938đ.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2023 là 360.993.938đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/3/2023 đến ngày ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021.

Nếu ông P và bà S không thực hiện yêu cầu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng, chi tiết như sau: bất động sản tọa lạc tại phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AC 437619, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00609hA do Ủy ban nhân dân thành phố L – tỉnh An Giang cấp ngày 28/9/2005. Chủ sở hữu, sử dụng là ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S theo Hợp đồng thế chấp số K.0118/TC19 ngày 25/9/2019. Hợp đồng đã được công chứng số 1185 quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/9/2019 tại Văn phòng công chứng H1. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 5956 ngày 26/9/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh L theo đúng quy định.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P và bà S tại Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu ông P và bà S tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S uỷ quyền cho ông Lê Minh T3, trình bày:

Vào ngày 14/10/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch M với ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S đã xác lập Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121, với nội dung như sau: số tiền vay: 337.000.000đ; mục đích vay: thanh toán chi phí thuê đất để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 10,5 %/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông P và bà S đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là bất động sản tọa lạc tại phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AC 437619, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00609hA do Ủy ban nhân dân thành phố L – tỉnh An Giang cấp ngày 28/9/2005. Chủ sở hữu, sử dụng là ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S theo Hợp đồng thế chấp số K.0188/TC19 ngày 25/9/2019. Hợp đồng đã được công chứng số 1185 quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/9/2019 tại Văn phòng công chứng H1. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 5956 ngày 26/9/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh L theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn, ông P và bà S đã thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 10/11/2022 với số tiền 39.309.280đ. Khi ông P, bà S đóng lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có cung cấp cho ông P, bà S Phiếu thu lãi. Ông P, bà S sẽ cung cấp cho Toà án Phiếu thu lãi của tháng 11/2022 và tất cả các phiếu thu tiền lãi mà ông P, bà S đã đóng lãi cho Ngân hàng cho Toà án sau.

Nay phía ông P và bà S đồng ý trả cho Ngân hàng số nợ gốc 337.000.000đ và đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp số K.0188/TC19 ngày 25/9/2019 để đảm bảo cho việc thi hành án. Ông P, bà S đã trả lãi cho Ngân hàng đến ngày 10/11/2022 với số tiền 39.309.280đ nên việc Ngân hàng cho rằng ông P, bà S chỉ trả lãi cho Ngân hàng đến ngày 14/10/2022 với số tiền 35.385.000đ và tính lãi từ ngày 15/10/2022 đến ngày hôm nay (ngày 28/3/2023) với số tiền 23.993.938đ thì phía ông P, bà S không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Minh T3, trình bày: Ông T3 thống nhất với phần trình bày của ông T3 là người đại diện theo uỷ quyền của ông P, bà S đã trình bày ở trên. Ngoài ra ông T3 không có ý kiến bổ sung thêm.

+ Bà Lê Thị Ánh T4, bà Lê Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Mai H không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tính đến ngày 09/5/2023, ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 367.101.468đ, trong đó: nợ gốc 337.000.000đ, nợ lãi quá hạn 30.101.486đ. Ngân hàng yêu cầu ông P và bà S phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 10/5/2023 đến ngày ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0118/TC19 ngày 25/9/2019 giữa Ngân hàng với ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S để đảm bảo cho việc thi hành án.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Ông T3 thừa nhận ông P và bà S đã thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng đến ngày 14/10/2022 được số tiền 35.385.000đ và còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 367.101.468đ, trong đó: nợ gốc 337.000.000đ, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/5/2023 là 30.101.486đ. Phía ông P, bà S xin trả dần số nợ trên cho Ngân hàng bằng cách trả 6.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ và xin giảm lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng không đồng ý cho ông P, bà S trả dần số nợ. Nếu phía ông P, bà S muốn xin giảm lãi thì phải trả dứt số nợ gốc và lúc đó Ngân hàng mới xem xét việc giảm lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Buộc ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2023, gồm: vốn gốc là 337.000.000 đồng; lãi quá hạn là 30.101.486 đồng; tổng cộng là 367.101.468 đồng.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng) khởi kiện ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Lê Thị Ánh T4, bà Lê Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Mai H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị Ánh T4, bà Lê Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Mai H.

[2.2] Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh T1 - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch M (theo Quyết định ủy quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022). Thủ tục ủy quyền này phù hợp với quy định pháp luật nên bà T1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch M và ông Lê Tấn P, bà Đặng Thị S đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021 với nội dung: Ngân hàng cho ông P và bà S vay số tiền vay: 337.000.000đ; mục đích vay: thanh toán chi phí thuê đất để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay: 12 tháng; phương thức thanh toán: trả nợ gốc vào cuối kỳ và trả lãi hàng tháng; lãi suất: 10,5 %/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

[3.2] Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ông P và bà S đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 14/10/2022 được số tiền lãi là 35.385.000đ. Ngân hàng yêu cầu ông P và bà S có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi tính đến ngày 09/5/2023 cho Ngân hàng là 367.101.468đ, trong đó: nợ gốc 337.000.000đ, nợ lãi quá hạn 30.101.486đ và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021 đã ký.

[3.3] Hội đồng xét xử xét, hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021 giữa Ngân hàng và ông P, bà S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông P và bà S đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P và bà S có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi tính đến ngày 09/5/2023 là 367.101.468đ (trong đó: vốn 337.000.000đ, lãi trong, lãi quá hạn 30.101.486đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021 đã ký là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, do ông P và bà S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[3.4] Hợp đồng tín dụng ngắn hạn trên được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0188/TC19 ngày 25/9/2019. Hợp đồng thế chấp này đã được Văn Phòng công chứng H1 chứng nhận ngày 25/9/2019 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh L ngày 26/9/2019. Xét thấy hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Tại phiên toà, ông T3 là người đại diện theo uỷ quyền của ông P, bà S xin trả dần số nợ và xin giảm lãi nhưng không được phía người đại diện của Ngân hàng đồng ý. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông P và bà S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 367.101.468đ, trong đó: vốn: 337.000.000đ, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/5/2023 là 30.101.486đ. Đồng thời, ông P và bà S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/5/2023) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[3.7] Trường hợp ông P và bà S không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0188/TC19 ngày 25/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch M với ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S để thu hồi nợ.

[3.8] Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông P và bà S còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông P và bà S có trách nhiệm hoàn trả lại Ngân hàng số tiền 300.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S phải chịu 18.355.074đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại 8.595.866đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001260 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 ; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S.

Buộc Lê Tấn P và bà Đặng Thị S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 367.101.468đồng, trong đó: vốn: 337.000.000 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/5/2023 là 30.101.486 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/5/2023) ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0249/121 ngày 14/10/2021 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0188/TC19 ngày 25/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch M với ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S để thu hồi nợ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông P và bà S còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 300.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tấn P và bà Đặng Thị S phải chịu 18.355.074đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại 8.595.866đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001260 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố L.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, ông Lê Tấn P, bà Đặng Thị S và ông Lê Minh T3 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Thị Ánh T4, bà Lê Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Mai H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. L;
- THADS TP. L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lan